

Số: **28** /GPMT-UBND

*Đăk Nông, ngày 13 tháng 10 năm 2023*

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 315/QLDA&PTQD-DA ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đăk R'lấp về việc giải trình chỉnh sửa và đề nghị cấp giấy phép môi trường Dự án Khu tái định cư thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'lấp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 239/TTr-STNMT ngày 12 tháng 10 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đăk R'lấp, địa chỉ tại thị trấn Kiến Đức, huyện Đăk R'lấp, tỉnh Đăk Nông được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Khu tái định cư thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'lấp với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

- 1.1. Tên dự án: Khu tái định cư thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'lấp.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'lấp, tỉnh Đăk Nông.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư: Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của UBND tỉnh về việc sát nhập Trung tâm Phát triển quỹ đất và Ban Quản lý dự án huyện Đăk R'lấp để thành lập Ban Quản



lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đăk R'lấp.

1.4. Mã số thuế: 6400412506

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng và vận hành cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'lấp, tỉnh Đăk Nông.
- Quy mô: Tổng diện tích đất sử dụng là 95.516,05 m<sup>2</sup>.
- Quy mô dân số: Khoảng 1.200 người.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đăk R'lấp

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đăk R'lấp có trách nhiệm sau:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, XD, GTVT;
- Công an tỉnh;
- UBND huyện Đăk R'lấp;
- Ban QLDA và PTQĐ huyện Đăk R'lấp;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT(L).

5

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Yên





**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU  
CAU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 28/GPMT-UBND  
ngày 13/10/2023 của UBND tỉnh)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

**1. Nguồn phát sinh nước thải:** Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của các hộ dân như ăn uống, tắm giặt, vệ sinh cá nhân,...

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối nhỏ hiện hữu trong khu vực dự án.

2.2. Vị trí xả nước thải:

Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'lấp, tỉnh Đăk Nông. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $180^{\circ}30'$ , mũi chiếu  $3^{\circ}$ ): X (m) = 1324822,40; Y (m) = 400171,45.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $188,177 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý chảy theo đường cống BT LT đường kính 400mm, khoảng cách từ hố ga sau xử lý đến cửa xả tại nguồn tiếp nhận suối nhỏ trong dự án là 180m, theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn (phụ thuộc vào thời gian, khối lượng sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt của hộ dân).

2.3.3. Chất lượng nước thải sinh hoạt sau khi qua hệ thống xử lý nước thải tập trung phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BNM (Cột B, K = 1) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	03 tháng/lần
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000	
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
6	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	50	
7	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	10	

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
8	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4,0	
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Nước thải phát sinh từ các hộ dân có thể chia làm 03 nhóm như sau: Nước thải đen (nước thải từ bồn cầu), nước thải xám (nước thải từ vòi rửa tay, chậu rửa mặt, phễu thoát sàn, máy giặt), nước thải bếp (nước thải từ quá trình rửa thực phẩm, vệ sinh chén, dĩa, ly, tách các khu vực bếp). Đối với các loại nước thải này yêu cầu người dân xử lý sơ bộ tại hộ gia đình trước khi dẫn đến hệ thống xử lý nước thải tập trung như sau:

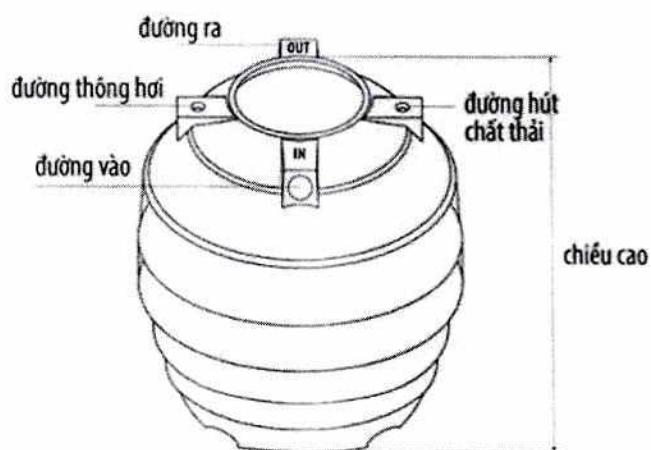
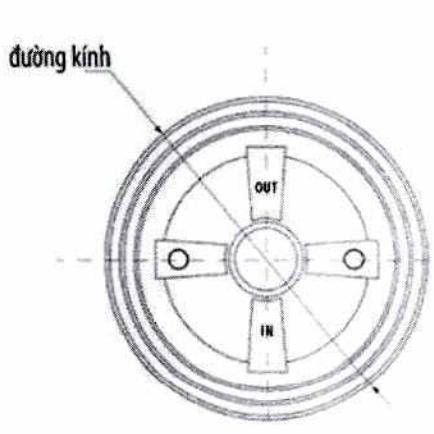
Đối với nước thải đen sẽ được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bồn tự hoại. Nước thải bếp sẽ được thu gom đưa đến hố ga lắng cặn mỡ (*cặn mỡ định kỳ tại hố ga sẽ được thu gom xử lý theo quy định*). Nước thải sau khi xử lý sơ bộ từ hai hạng mục nêu trên và nước thải xám sẽ được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

Hệ thống cống được thiết kế tự chảy được sử dụng cống bê tông ly tâm, có đường kính Ø400, Ø600, Ø1000. Tổng chiều dài mạng lưới thu gom nước thải về hệ thống xử lý là 2.202 m với 110 hố ga.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

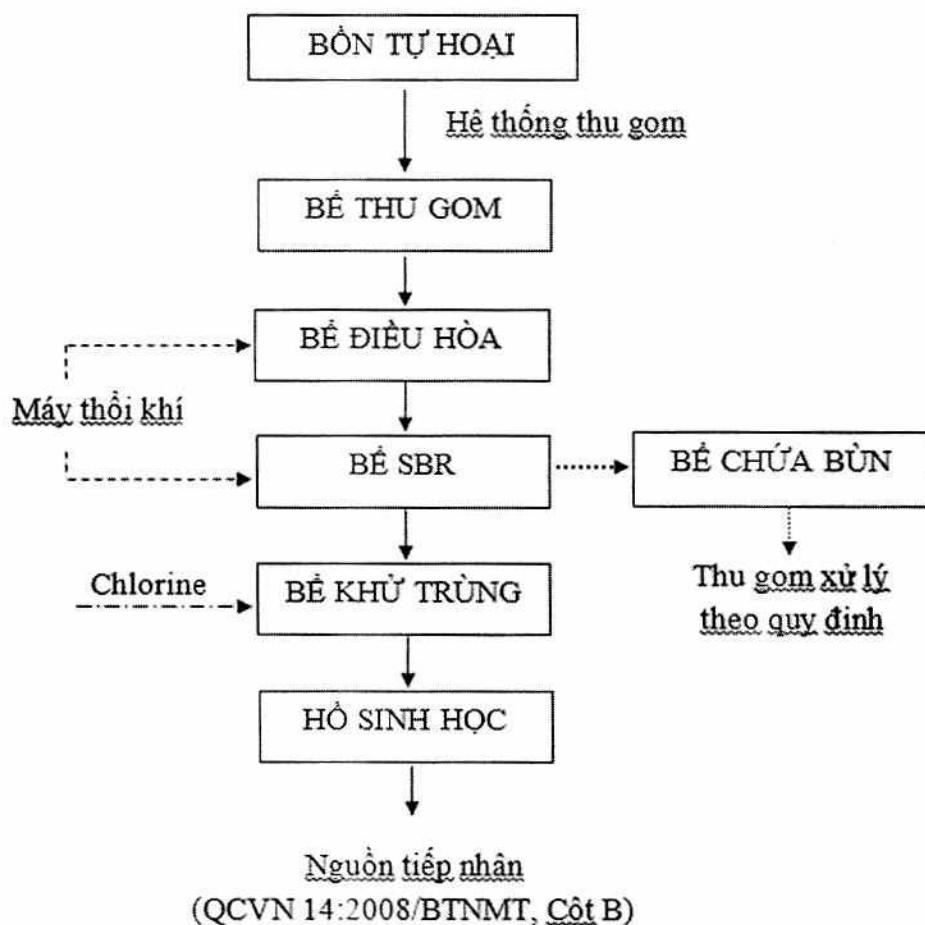
#### 1.2.1. Bồn tự hoại tại từng hộ gia đình

#### THÔNG SỐ KỸ THUẬT:



Dung tích sản phẩm (lít)	500 lít	1000 lít	1500 lít	2000 lít
Số lượng người sử dụng (hộ gia đình)	2	4	6	8
Thời gian lưu trữ (giờ)	> 24	> 24	> 24	> 24
Chiều cao bồn (mm)	1170	1260	1530	1650
Đường kính bồn (mm)	1000	1200	1300	1550
Đường kính đầu vào/ra (mm)	90/90	90/90	114/114	114/114
Đường kính ống hút chất thải (mm)	90	90	90	90

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất  $200 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .



**Ghi chú:**

- Đường nước thải** →
- Đường khí** →
- Đường hóa chất** →
- Đường bùn** →

*Hình: Sơ đồ nguyên lý hệ thống xử lý nước thải tập trung*

### 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố

- Bố trí bể dự phòng sự cố có thể tích lưu trữ là 100 m<sup>3</sup> để dự phòng lưu chứa nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung gấp sự cố.

- Hệ thống điện được lắp đặt và vận hành theo đúng các tiêu chuẩn quy định chuyên ngành.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung được xây dựng và vận hành tuân thủ theo đúng quy trình và kỹ thuật.

- Trang bị máy móc, thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý nước thải: bơm hóa chất, bơm bùn, bơm nước thải...

- Các bể công trình xử lý nước thải đều có nắp bê tông đậy kín hạn chế mùi hôi có khả năng phát sinh.

- Có bản hướng dẫn về quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải an toàn tại khu vực trạm xử lý nước thải.

- Thực hiện kiểm tra bảo dưỡng máy móc thiết bị định kỳ 01 tháng/lần và bảo dưỡng toàn hệ thống định kỳ 01 năm/lần.

- Thực hiện việc giám sát, lấy mẫu nước thải đầu ra để đánh giá hiệu quả xử lý, chất lượng nước thải đầu ra với tần suất 03 tháng/lần.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: dự kiến từ ngày 01/4/2025 đến hết ngày 03/4/2025

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m<sup>3</sup>/ngày.đêm

Vị trí lấy mẫu; tần suất lấy mẫu; chất ô nhiễm; quy chuẩn so sánh, cụ thể như sau:

STT	Vị trí	Tần suất	Thời gian lấy mẫu	Thời gian đo đặc, phân tích	Chỉ tiêu quan trắc	Quy chuẩn so sánh
1	Quan trắc đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải (lấy và phân tích mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp)	Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận (cuối đường ống xả thải)  03 lần (01 ngày/lần)	- Lần 01: Ngày 02/4/2025 – 14/4/2025  - Lần 02: Ngày 03/4/2025 – 15/4/2025  - Lần 03: Ngày 04/4/2025 – 16/4/2025	Ngày 02/4/2025 – 14/4/2025  Ngày 03/4/2025 – 15/4/2025  Ngày 04/4/2025 – 16/4/2025	pH; BOD <sub>5</sub> ; TSS; TDS; NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ; NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ; PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ; S <sup>2-</sup> ; Dầu mỡ động, thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Tổng Coliforms	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K = 1)

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

#### **3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác**

- Lắp đặt đồng hồ (thiết bị) đo lưu lượng để quan trắc lưu lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Lập nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

- Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị và thường xuyên kiểm tra hiệu suất của các hạng mục công trình xử lý nước thải để đảm bảo nước thải xử lý theo đúng quy chuẩn, quy định hiện hành, tránh xảy ra các sự cố môi trường.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền và chính quyền địa phương trong việc kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy định./. 

**Phụ lục 2**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỦNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 28 /GPMT-UBND  
ngày 13/10/2023 của UBND tỉnh)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP QUẢN LÝ CHẤT THẢI

### 1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 1,44 tấn/ngày tương đương 43,2 tấn/tháng.

### 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí các thùng thu gom dọc theo các vỉa hè (khoảng cách từ 30-50m) và các thùng thu gom cho các trục đường chính.

- Các thùng thu gom rác sẽ được bố trí phân loại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, theo hướng dẫn hoặc quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Các thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Khi dự án đi vào hoạt động, đơn vị tự quản/chính quyền địa phương sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tần suất 01 ngày/lần, đồng thời tuyên truyền người dân không vứt rác bừa bãi trong dự án; tự giác thu gom và phân loại rác vào các thùng chứa rác; có ý thức tự giác giữ gìn về sinh môi trường khu vực.

## B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỦNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020./.

**Phụ lục 3**  
**YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 28/GPMT-UBND  
ngày 13/10/2023 của UBND tỉnh Đăk Nông)

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, các nội dung đề xuất trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành.

2. Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật trong giai đoạn thi công, xây dựng và giai đoạn vận hành dự án nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố (sạt trượt, xói lở, sụn lún, nước mưa trong quá trình xây dựng cuốn theo bùn, đất ... ảnh hưởng đến các đối tượng xung quanh khu vực).

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng của dự án.

5. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn hóa chất, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật khác có liên quan.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

7. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho cơ quan cấp Giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

8. Trường hợp có thay đổi tên chủ dự án thì chủ dự án mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện giấy phép môi trường và thông báo cho cơ quan cấp giấy phép môi trường biết để được cấp đổi giấy phép.

9. Đảm bảo đủ kinh phí và thực hiện nghiêm chương trình quan trắc môi trường, báo cáo kết quả theo quy định; cập nhật, lưu giữ số liệu để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra./.